

Bước 3: Đặt tính và thực hiện phép tính.

- Yêu cầu 1 HS lên bảng đặt tính.
- Tính từ đâu sang đâu?
- 1 có trừ được 5 không?
- Nhắc lại hoàn chỉnh cách tính.

❖ Hoạt động 2:

Luyện tập-Thực hành.

MT : Giúp HS tính đúng hiệu. Làm quen với 2 đoạn thẳng cắt nhau.

Bài 1: Tính

- GV gọi HS nêu y/c
- Yêu cầu HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính của một số phép tính, cả lớp làm vào vở.
- GV cho HS nhận xét.
- Nhận xét

Bài 2

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.
- Muốn tìm hiệu ta làm thế nào?
- Yêu cầu HS làm bài vào bảng con. Gọi 3 HS lên bảng làm, mỗi HS làm một ý.
- Yêu cầu 3 HS lên bảng nêu rõ cách cách đặt tính và thực hiện tính của từng phép tính.
- GV cho HS nhận xét.

Bài 3:

- GV yêu cầu HS đọc đề bài
- GV HD HS phân tích đề bài toán và tóm tắt.
- GV gọi HS lên bảng thực hiện, cả lớp làm vào bảng con.
- GV cho HS nhận xét.
- GV Nhận xét

Bài 4:

- Gọi 1 HS đọc câu hỏi.
- Yêu cầu HS trả lời.
- GV cho HS nhận xét
- GV nhận xét
- Yêu cầu nhiều HS nhắc lại câu trả lời.

4. Củng cố – Dẫn dắt

- Yêu cầu HS nêu lại cách đặt tính và thực

- Tính từ phải sang trái.
- 1 không trừ được 5.

Bài 1:

- HS nêu y/c

$\begin{array}{r} 51 \\ - 8 \\ \hline 43 \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ - 3 \\ \hline 38 \end{array}$	$\begin{array}{r} 61 \\ - 7 \\ \hline 54 \end{array}$	$\begin{array}{r} 31 \\ - 9 \\ \hline 22 \end{array}$	$\begin{array}{r} 81 \\ - 2 \\ \hline 79 \end{array}$
---	---	---	---	---

Bài 2:

- HS đọc yêu cầu của bài.
- Lấy số bị trừ, trừ đi số trừ.
- 3 HS lên bảng thực hiện.

$\begin{array}{r} 51 \\ - 4 \\ \hline 47 \end{array}$	$\begin{array}{r} 21 \\ - 6 \\ \hline 15 \end{array}$
---	---

- HS trả lời.
- HS nhận xét.

Bài 3

- HS đọc đề bài.
- HS nêu:

- 1 HS lên bảng thực hiện ,cả lớp làm vào bảng con.

Tóm tắt.

Có : 51 quả trứng.

Lấy đi : 6 quả trứng.

Còn lại: ...quả trứng?

Bài giải

Số quả trứng còn lại là:

$$51 - 6 = 45 \text{ (quả trứng)}$$

Đáp số: 45 quả trứng.

Bài 4:

- Đọc câu hỏi.
- Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm O.

hiện phép tính 31 – 5. - Nhận xét tiết học. Biểu dương các em học tốt, có tiến bộ. Nhắc nhở các em còn chưa chú ý, chưa cố gắng trong học tập. - Chuẩn bị: 51 – 15.	- Nhắc lại.
---	-------------

Tiết 3

Phân môn: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài dạy : TỪ NGỮ VỀ HỌ HÀNG. DẤU CHẤM

I. MỤC TIÊU

Tìm một số từ ngữ chỉ người trong gia đình, họ hàng (BT 1, BT 2), xếp đúng từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết vào 2 nhóm họ nội, họ ngoại (BT 3).

Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có chỗ trống (BT 4).

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1, 2

HS khá, giỏi, làm được các bài 1,2,3,4

II. CHUẨN BỊ

- GV: 4 tờ giấy roky, bút dạ (hoặc có thể chia bảng làm 4 phần bằng nhau), bảng phụ ghi nội dung bài tập 4.

- HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. <u>Ôn định</u> 2. <u>Bài cũ</u> Ôn tập. - HS nêu theo mẫu câu: Ai (con gì, cái gì) là gì ? - Tìm từ chỉ hoạt động của HS. - GV nhận xét. 3. <u>Bài mới</u> : * <u>Giới thiệu bài</u> : ❖ Hoạt động 1: Tìm hiểu bài. <u>MT</u> : Hệ thống hoá cho HS vốn từ chỉ người trong gia đình, họ hàng. Bài 1: - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS mở sách, bài tập đọc Sáng kiến của bé Hà, đọc thầm và gạch chân các từ chỉ người trong gia đình, họ hàng sau đó đọc các từ này lên. - Ghi bảng và cho HS đọc lại các từ này. Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Cho HS nối tiếp nhau kể, mỗi HS chỉ cần	- Tìm từ chỉ hoạt động của HS. - Hoạt động lớp, cá nhân. <u>Bài 1</u> - HS đọc đề bài - Tìm những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng ở câu chuyện Sáng kiến của bé Hà. - Nêu các từ: bố, con, ông, bà, mẹ, cô, chú, cụ già, con cháu, cháu (nhiều HS kể đến khi đủ thì thôi) <u>Bài 2</u>

<p>nói 1 từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sau đó cho HS tự ghi các từ tìm được vào vở bài tập. <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài. - Hỏi: Họ nội là những người ntn? (Có quan hệ ruột thịt với bố hay với mẹ) - Hỏi tương tự với họ ngoại. - Yêu cầu HS tự làm bài sau đó một số em đọc bài làm của mình. GV và HS cả lớp nhận xét. <p>→ GV nhận xét chốt ý.</p> <p style="text-align: center;">❖ <u>Hoạt động 2:</u> Thực hành.</p> <p><u>MT</u> : Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm và dấu hỏi.</p> <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu của bài - Gọi HS khá đọc truyện vui trong bài. - Hỏi: Dấu chấm hỏi thường đặt ở đâu? - Yêu cầu làm bài, 1 HS làm trên bảng. <p>Yêu cầu cả lớp nhận xét bài trên bảng?</p> <p>4. <u>Củng cố – Dẫn dò</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học, tuyên dương các em học tốt, tích cực tham gia xây dựng bài, nhắc nhở các em còn chưa cố gắng. - Chuẩn bị: Từ ngữ về đồ dùng và các vật trong nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu trong SGK. - Hoạt động nối tiếp. HS có thể nêu lại các từ bài tập 1 và nêu thêm như: Thím, cậu, bác, dì, mợ, con dâu, con rể, chắt, chít, chít... - Làm bài trong vở bài tập. <p><u>Bài 3</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - Họ nội là những người có quan hệ ruột thịt với bố. - HS trả lời. <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Họ ngoại</th> <th style="text-align: center;">Họ nội</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 5px;">Ông ngoại, bà ngoại, dì, cậu, mợ, bác...</td> <td style="padding: 5px;">Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>Bài 4</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu, 1 HS đọc thành tiếng. - Đọc câu chuyện trong bài. - Cuối câu hỏi. - Làm gì (ô trống thứ nhất và thứ ba điền dấu chấm, ô trống thứ hai điền dấu chấm hỏi). - Nhận xét bạn làm bài đúng/sai. Theo dõi và chỉnh sửa bài của mình cho đúng 	Họ ngoại	Họ nội	Ông ngoại, bà ngoại, dì, cậu, mợ, bác...	Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...
Họ ngoại	Họ nội				
Ông ngoại, bà ngoại, dì, cậu, mợ, bác...	Ông nội, bà nội, cô, chú, thím, bác,...				

Tiết 4

Phân môn: CHÍNH TẢ(Nghe viết)

Bài dạy: ÔNG CHÁU.

MỤC TIÊU

Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng 2 khổ thơ.

Làm được BT 2. BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 2.

HS khá, giỏi, làm được BT 2. BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.)

II. CHUẨN BỊ

- GV: Bảng ghi nội dung bài tập 3. Bảng phụ, bút dạ.

- HS: Vở, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. . <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> : Ngày lễ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS lên bảng viết các từ HS mắc lỗi, các từ luyện phân biệt, tên các ngày lễ lớn của giờ chính tả trước. - Nhận xét <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>* <u>Giới thiệu bài</u>:</p> <p style="text-align: center;">❖ <u>Hoạt động 1</u>:</p> <p style="text-align: center;">Hướng dẫn viết chính tả</p> <p><u>MT</u> : Nghe và viết lại chính xác bài thơ Ông cháu</p> <p>a/ Giới thiệu đoạn thơ cần viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS mở sách, GV đọc bài thơ lần 1. - Bài thơ có tên là gì? - Khi ông bà và cháu thi vật với nhau thì ai là người thắng cuộc? - Khi đó ông đã nói gì với cháu. <p>- Giải thích từ xế chiều và rạng sáng.</p> <p>- Có đúng là ông thua cháu không?</p> <p>b/ Quan sát, nhận xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ có mấy khổ thơ. - Mỗi câu thơ có mấy chữ? - Để cho đẹp, các em cần viết bài thơ vào giữa trang giấy, nghĩa là lùi vào khoảng 3 ô li so với lề vở. - Dấu hai chấm được đặt ở câu thơ nào? - Dấu ngoặc kép có ở các câu thơ nào? - Lời nói của ông bà và cháu đều được đặt trong ngoặc kép. <p>c/ Viết chính tả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc bài, mỗi câu thơ đọc 3 lần. <p>d/ Soát lỗi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc lại toàn bài, phân tích các chữ khó viết cho HS soát lỗi. <p>e/ Chấm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu và chấm 1 số bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - H/s thực hiện <p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc lại. Cả lớp theo dõi. - Ông cháu. - Cháu luôn là người thắng cuộc. - Ông nói: Cháu khoẻ hơn ông nhiều. Ông là buổi trời chiều. Cháu là ngày rạng sáng. - HS nêu. - Không đúng, ông thua vì ông nhường cho cháu phân khởi. - Có hai khổ thơ. - Mỗi câu có 5 chữ. - Đặt cuối các câu: Cháu vỗ tay hoan hô: <li style="padding-left: 20px;">Bé cháu, ông thủ thi: - Câu: “Ông thua cháu, ông nhỉ!” “Cháu khoẻ ... rạng sáng”. - Chép lại theo lời đọc của giáo viên. - Soát lỗi, ghi tổng số lỗi ra lề vở. Viết lại các lỗi sai bằng bút chì.

<p style="text-align: center;">❖ <u>Hoạt động 2:</u></p> <p style="text-align: center;">Hướng dẫn làm bài tập chính tả.</p> <p><u>MT</u>: Làm đúng các bài tập chính tả.</p> <p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu và câu mẫu. - Yêu cầu HS nối tiếp nhau tìm các chữ theo yêu cầu của bài. Khi HS nêu, GV ghi chữ các em tìm được lên bảng. - Cho cả lớp đọc các chữ vừa tìm được. <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài sau đó cho các em tự làm bài. 1 HS làm trên bảng lớp. - Chữa bài trên bảng lớp. → GV nhận xét. <p>4 <u>Củng cố – Dặn dò</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết tiết học. - Dặn dò HS về nhà viết lại các lỗi sai, chú ý các trường hợp chính tả cần phân biệt. - Chuẩn bị: Bà cháu. 	<p>- Hoạt động cá nhân.</p> <p style="text-align: center;">Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài. - Mỗi HS chỉ cần nêu một chữ, càng nhiều HS được nói càng tốt. VD: càng, căng, cũng, cụng, cẳng, cá, co, con, cò, công, công, cam, cảm, ... ke, kê, kẽ, ken, kèn, kén, kém, kiếm, kí, kiếng, kiêng, ... <p style="text-align: center;">Bài 3:</p> <p>b/ dạy bảo – cơn bão, lặng lẽ – số lẽ, mạnh mẽ – sút mẻ, áo vải – vương vãi.</p> <p>→ HS nhận xét.</p>
---	---

I. PHỤ ĐẠO VÀ BỒI DƯỠNG

2. BỒI DƯỠNG

<i>Toán</i>	<i>Nội dung thực hiện của học sinh</i>
Tên nội dung	<p><u>Giải bài toán theo tóm tắt:</u></p> <p><u>Tóm tắt.</u></p> <p>Vừa cam và quýt: 45 quả.</p> <p>Cam : 25 quả</p> <p>Quýt : ...?quả.</p> <p style="text-align: right;"><u>Bài giải:</u></p> <p style="text-align: right;">Số quả quýt là:</p> <p style="text-align: right;">$45 - 25 = 20(\text{quả})$</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 20 quả.</p>

Thứ sáu ngày 04 tháng 11 năm 2016

Ngày soạn: 10/09/2016

Ngày dạy : 04/11/2016

Tiết 1: Mĩ thuật

Tiết 2: Âm nhạc

Tiết 3

Phân môn: TẬP LÀM VĂN

Bài dạy: KỂ VỀ NGƯỜI THÂN.

I. MỤC TIÊU

Biết kể về ông bà hoặc người thân, dựa theo câu hỏi gợi ý (BT1).

Viết được đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu về ông bà hoặc người thân (BT2).

* Các KNS cơ bản được giáo dục:

- *Giáo dục tình cảm đẹp đẽ trong cuộc sống xã hội.*

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1,

HS khá, giỏi, làm được các bài 1,2

II. CHUẨN BỊ

- GV: Bảng ghi các câu hỏi bài tập 1.

- HS: Vở bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. . <u>Ôn định</u></p> <p>2. <u>Bài cũ</u> : Ôn tập.</p> <p>- Nói vài câu mời, nhờ, đề nghị hoặc xin lỗi người khác.</p> <p>- Nói theo mẫu câu: Khẳng định, phủ định.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>* <u>Giới thiệu bài</u>:</p> <p>❖ <u>Hoạt động 1</u>:</p> <p>Kể về ông bà, người thân.</p> <p><u>MT</u> : HS biết kể về ông bà hoặc người thân.</p> <p>Bài 1:</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Gọi 1 HS làm bài mẫu. GV hỏi từng câu cho HS trả lời.</p> <p>- Yêu cầu HS làm việc theo cặp.</p> <p>- Gọi HS trình bày trước lớp. Nghe và chỉnh sửa lỗi cho các em.</p> <p>→ GV nhận xét chốt ý.</p> <p>❖ <u>Hoạt động 2</u>:</p> <p>Viết về ông bà, người thân</p> <p><u>MT</u> : HS biết viết lại các câu kể thành một đoạn văn ngắn từ 3 → 5 câu.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- Yêu cầu HS viết bài vào Vở bài tập. Chú ý HS viết câu văn liền mạch. Cuối câu có dấu chấm, chữ cái đầu câu viết hoa.</p> <p>- Gọi 1 vài HS đọc bài viết của mình.</p>	<p>- Học sinh thực hiện</p> <p>- Hoạt động lớp, cá nhân</p> <p>- Đọc đề bài và các câu hỏi.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- Từng cặp HS hỏi – đáp với nhau theo các câu hỏi của bài.</p> <p>- Một số HS trình bày. Cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- Hoạt động cá nhân.</p> <p>- HS viết bài.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét 4. <u>Củng cố – Dặn dò</u> - Tổng kết tiết học. - Dặn dò HS suy nghĩ thêm và kể thêm nhiều điều khác về ông bà, người thân. Về những kỉ niệm em vẫn nhớ về người thân, về ông bà của mình. - Chuẩn bị : Gọi điện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài viết trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét. - HS lắng nghe.
---	---

Tiết 4

Môn : TOÁN

Bài dạy : 51 - 15

I. MỤC TIÊU

Biết cách thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 51 – 15.

Vẽ được hình tam giác theo mẫu (vẽ trên giấy kẻ ô li).

Bài tập cần làm: Bài 1 (cột 1,2,3), 2 (a,b) , 4,

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1 (cột 1,2,3), 2 (a,b)

HS khá, giỏi, làm được các bài 1 (cột 1,2,3), 2 (a,b) , 4,

II. CHUẨN BỊ

- GV: Que tính.

- HS: Vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. . <u>Ôn định</u></p> <p>2. <u>Bài cũ</u> : 31 – 5</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng thực hiện các yêu cầu sau: học sinh làm dòng 1 của bài 1</p> <p>- Nêu cách thực hiện phép tính 21 – 4</p> <p>- Nhận xét</p> <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p style="text-align: center;">❖ <u>Hoạt động 1</u>:</p> <p style="text-align: center;">Phép trừ 51 – 15</p> <p><u>MT</u> : Biết cách thực hiện phép trừ có nhớ dạng 51 -- 15</p> <p><u>Bước 1</u>: Nêu vấn đề.</p> <p>- Đưa ra bài toán: Có 51 que tính, bớt 15 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>- Muốn biết còn bao nhiêu que tính ta làm ntn?</p>	<p>- Học sinh thực hiện theo yêu cầu</p> $\begin{array}{r} 51 \quad 41 \quad 61 \\ - 8 \quad - 3 \quad - 7 \\ \hline 43 \quad 38 \quad 54 \end{array}$ <p>- Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <p>- Nghe. Nhắc lại bài toán. Tự phân tích bài toán.</p> <p>- Thực hiện phép trừ 51 - 15</p> <p>- Lấy que tính</p> <p>- Thao tác với que tính và trả lời, còn 36 que tính.</p> <p>- Nêu cách bớt.</p>

Bước 2:

- Yêu cầu HS lấy 5 bó que tính và 1 que tính rời.
- Yêu cầu 2 em ngồi cạnh nhau cùng thảo luận để tìm cách bớt đi 15 que tính và nêu kết quả
- Yêu cầu HS nêu cách làm.

Bước 3: Đặt tính và thực hiện phép tính.

- Gọi 1 HS lên bảng đặt tính và thực hiện tính.
- Hỏi: Em đã đặt tính ntn?
- Hỏi tiếp: Em thực hiện tính ntn?
- Yêu cầu một số HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.

❖ Hoạt động 2:

Luyện tập, thực hành

MT : Củng cố tên gọi các thành phần và kết quả trong phép tính trừ, biểu tượng về hình tam giác.

Bài 1:

- GV gọi HS nêu y/c.
- GV gọi 3 HS lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào bảng con.

- GV yêu cầu nêu cách tính của 81–46, 51–19, 61–25

- GV nhận xét

Bài 2:

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.
- Yêu cầu HS tự làm bài. Gọi 3 HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính.

- GV cho HS nhận xét

- GV nhận xét.

Bài 3: về nhà làm

- GV gọi HS nêu y/c.

Bài 4:

- HS nêu.

Bài 1

- HS nêu y/c

81	31	51
<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
46	17	19
<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
35	14	32
<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
41	71	61
<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
12	26	34
<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
29	45	27

Bài 2

- HS đọc yêu cầu của bài
- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.
- 3 HS làm bài. Cả lớp nhận xét bài các bạn trên bảng.

81	51
<u> </u>	<u> </u>
44	25
<u> </u>	<u> </u>
37	26

Bài 3: Tìm x.

- HS nêu y/c
- Nhắc lại quy tắc cách tìm số hạng trong một tổng

$x + 16 = 41$	$x + 34 = 81$
$x = 41 - 16$	$x = 81 - 34$
$x = 25$	$x = 47$
$19 + x = 61$	
$x = 61 - 19$	
$x = 42$	

<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu y/c. - GV vẽ mẫu lên bảng và hỏi: Mẫu vẽ hình gì? - Yêu cầu HS tự vẽ hình. - GV quan sát nhận xét. <p>4. Củng cố – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính 51 – 15 - Nhận xét tiết học. - Dặn dò HS ôn tập cách trừ phép trừ có nhớ dạng 51 – 15 (có thể cho một vài phép tính để HS làm ở nhà) - Chuẩn bị: Luyện tập. 	<p>Bài 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chú ý. - Hình tam giác. <p>- Nói 3 điểm với nhau.</p> <p>- Vẽ hình. 2 HS ngồi cạnh đối chéo vở để kiểm tra lẫn nhau.</p>
--	--

Tiết 5 : SHTT

I Mục tiêu:

- Tổng kết hoạt động trong tuần qua.
- Đề ra phương hướng hoạt động trong tuần tới

II Chuẩn bị:

- GV: Công tác tuần.
- HS: Bản báo cáo thành tích thi đua của các tổ

III. Hoạt động lên lớp:

Giáo viên	Học sinh
<p>1. Ổn định: Hát</p> <p>2. Nội dung: Gv giới thiệu: Phần làm việc ban cán sự lớp:</p> <p>Gv nhận xét chung: Ưu: Vệ sinh, chuẩn bị sách vở, chuyên cần Tồn tại: Một số em chưa thuộc bảng nhân chia. Gv khen tổ hạng nhất, cá nhân xuất sắc, cá nhân tiến bộ. Công tác tuần tới:</p>	<p>Hát tập thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lớp trưởng điều khiển 2. Tổ trưởng các tổ báo cáo về các mặt: 3. Học tập 4. Chuyên cần 5. Kỷ luật, chấp hành nội quy. 6. Nề nếp, tác phong, vệ sinh. 7. Phong trào 8. Cá nhân xuất sắc, tiến bộ.